



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 10/2025

(04/03/2025 – 10/03/2025)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Đến phút 89 thì Mỹ lại hoãn thêm một tháng (đến ngày 2/4) quyết định áp thuế 25% lên Canada và Mexico. Chính vì sự thất thường trong chính sách thuế quan của Mỹ cũng như thiếu hướng dẫn từ chính quyền nên các đối tác thương mại của nước này và thậm chí các doanh nghiệp nội địa đều đang bối rối xen lẫn ngần ngại. Nhiều khoản đầu tư đang bị ngưng trệ vì không biết chính quyền tổng thống Donald Trump sẽ đi nước cờ nào tiếp theo. Sự thiếu ổn định đang gây xáo trộn lớn cho các doanh nghiệp, còn với người dân là nỗi bất an khi các chính sách mới chỉ làm chi phí tăng chứ không giảm. Mỹ cũng đang có ý định áp thuế nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ - tiềm ẩn nhiều bất lợi đối với các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng hay các ngành dịch vụ khác của quốc gia này.

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tăng thêm 162 điểm (tương đương 12,8%) lên mức 1.436 điểm – cao nhất kể từ cuối tháng 11/2024. Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua như sau: Capesize là phân khúc duy nhất tiếp tục tích lũy thêm 509 điểm (tăng 25,8%, hiện ở mức 2.474 điểm), các phân khúc còn lại như Panamax, Supramax và Handysize nhìn chung vẫn quanh mức tuần trước. Ngoại trừ Capesize, thì hoạt động thuê tàu các phân khúc còn lại tương đối ảm đạm do hàng hóa khan hiếm. Đối với mảng mua bán, tuần qua ghi nhận giá tàu Supramax nhích nhẹ nên hoạt động mua bán hơi chậm lại. Trong khi đó, giá tàu Handysize hầu như ít tăng nên các giao dịch vẫn còn nhện nhện. Đơn cử tàu 35k dwt **Romandie** (35.774 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD/SS 08/2025) được chốt với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Dù được chủ tàu Thụy Sĩ bảo quản tốt nhưng giá này không cao chủ yếu do hạn đà cận kề. Trong phân khúc tàu 32k dwt, ghi nhận tàu **Pnoi** (32.282 dwt, đóng 2009 Nhật, hầm hàng hộp, DD 04/2027, SS 04/2029) được chủ tàu Hy Lạp chốt với giá khoảng 11,2 triệu đô la Mỹ - tình trạng tàu tốt và giá cũng hợp lý. Tàu già **Achilles Bulker** (32.729 dwt, đóng 2003 Nhật, chở gỗ được, DD 04/2027, SS 04/2029) được chủ tàu Đài Loan bán với giá khoảng 6,6 triệu đô la Mỹ - mức này là hợp lý nếu so với tàu trẻ hơn hai tuổi **Oak Harbour** (33.745 dwt, đóng 2005 Nhật, chở gỗ được, DD/SS 02/2025) bán tháng 12/2024 với giá khoảng 8,8 triệu đô la Mỹ. Giá bán tàu **Achilles Bulke** sẽ là mốc tham chiếu cho các tàu Nhật 32k dwt trên 20 tuổi trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tâm lý thị trường đang có xu hướng phân cực: trong khi một số giữ tâm lý e ngại thì số còn lại vẫn khá lạc quan với tiềm năng thị trường do nguồn cung tàu hạn chế. Cụ thể chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) đang chậm lại và neo ở mức cũ (hiện ở mức 881 điểm) còn chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) nhích nhẹ thêm 2,7% (671 điểm). Hoạt động mua bán tàu tuần qua tiếp tục xoay quanh cỡ tàu Suezmax, Aframax và MR. Đối với mảng MR, chủ tàu Đan Mạch bán một lúc 3 tàu MR từ 46-51k dwt đóng 2005 Hàn Quốc với giá khoảng 15 triệu đô la Mỹ/tàu – mức được xem là hợp lý trong thời điểm hiện nay. Ở mảng J19, tàu **Saehan Intrasia** (19.870 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 11/2027, SS 11/2029) về tay Người mua

Trung Quốc với giá khoảng 15,1 triệu đô la Mỹ. Mức này hơi mềm nếu so với tàu **Marmotas** (19.953 dwt, đóng 2005 Nhật) bán tháng 12/2024 với hạn đà cận kề DD/SS 2/2025.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS</b>						
<b>Mount Song</b>	2010	Japan	180,242	27.50	Undisclosed	DD/SS due 03/2025
<b>Saldanha</b>	2004	Japan	75,707	8.10	Chinese	BWTS & scrubber fitted, DD due 04/2025, SS 04/2027
<b>Kmarin Oslo</b>	2015	China	63,099	22.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS due 04/2025
<b>Hokuetsu Ibis</b>	2008	Japan	60,527	Undisclosed	Undisclosed	Woodchip carrier, BWTS fitted, DD 05/2026, SS 05/2028
<b>IVS North Berwick</b>	2016	Japan	60,475	24.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 03/2026
<b>Federal Lyra</b>	2014	Japan	55,725	Undisclosed	Indonesian	BWTS fitted, ice class 1C, DD/SS 11/2026, Japanese owners
<b>Seastar Merlin</b>	2025	Japan	39,795	32.00	Korean, HMM	Dely ex-yard M05/2025, M/E WinGD
<b>Cielo Dei Maronti</b>	2017	Japan	37,133	20.50	Undisclosed	Open hatch, DD/SS 01/2027
<b>Romandie</b>	2010	Korea	35,774	10.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 08/2025
<b>Achilles Bulker</b>	2003	Japan	32,729	6.60	Lebanese	BWTS fitted, log-fitted, DD 03/2027, SS 10/2028, Taiwanese owners
<b>Pnoi</b>	2009	Japan	32,282	11.20	Undisclosed	OHBS, BWTS fitted, DD 04/2027, SS 04/2029
<b>Deyang</b>	2005	Japan	31,921	Undisclosed	Undisclosed	Online bidding, BWTS fitted, log-fitted, DD/SS due 04/2025, Chinese owners
<b>Century Venus</b>	2010	Japan	16,213	7.30	Turkish	Old sale 2/2025, BWTS fitted, DD/SS 08/2025, Singaporean owners
<b>Apollo Kita</b>	2011	Japan	12,308	Undisclosed	HK-based	GC, Tweendecker, DD/SS 10/2026
<b>TANKERS</b>						
<b>Luck</b>	2003	Korea	319,175	29.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2027, SS 02/2028
<b>Yinghai Spirit</b>	2019	Korea	115,643	63.00	Teekay Tankers	BWTS fitted, DD 09/2026, SS 02/2029
<b>Capricorn Sun</b>	2007	Japan	115,577	61.00	Chinese, WYW Marine	DD/SS 08/2025

<b>Red Sun</b>	2008	Japan	115,325			Scrubber fitted, DD 11/2026, SS 12/2028
<b>Quetta</b>	2003	Japan	107,215	18.00	Undisclosed	DD 05/2026, SS 01/2029
<b>Lahore</b>	2003	Japan	107,018	18.00		DD 10/2026, SS 07/2028
<b>Torm Resilience</b>	2005	Korea	51,218	15.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 11/2025
<b>Torm Thames</b>	2005	Korea	47,036	15.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS 07/2025
<b>Torm Ragnhild</b>	2005	Korea	46,187	15.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS due 04/2025
<b>Marlin Amber</b>	2015	China	49,999	30.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS 05/2025
<b>Nord Swift</b>	2015	Korea	49,579	33.25	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS 09/2025
<b>Alice</b>	2007	Korea	37,320	7.00	Turkish, Besiktas	Old sale 02/2025, BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated
<b>Sachan Intrasia</b>	2005	Japan	19,870	15.10	Chinee	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 11/2027, SS 11/2029
<b>CONTAINERS</b>						
<b>A Goryu</b>	2022	China	24,471	32.00	Greek	Incl TC, 1781 teu, BWTS fitted, DD 09/2025, SS 09/2027
<b>Hansa Salzburg</b>	2011	China	23,281	18.50	Chinese	1740 teu, BWTS fitted, CR 2X40T, DD/SS 07/2026, German owners
<b>Margaret River Bridge</b>	2009	Japan	21,295	18.60	Indonesian, Tanto Intim Line	1708 teu, BWTS fitted, DD 08/2027, SS 09/2029

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		02/2025	1M	3M	6M	

#### CAPE SIZE

180k dwt	Resale	75.50	0%	-1%	-1%	1%	59.75
180k dwt	5 tuổi	62.00	0%	-2%	-2%	7%	43.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		02/2025	1M	3M	6M	

#### VLCC

310k dwt	Resale	146.00	-1%	-2%	1%	5%	112.25
310k dwt	5 tuổi	112.00	-2%	-3%	-2%	3%	85.25

170k dwt	10 tuổi	43.00	0%	-2%	-3%	15%	30.50	250k dwt	10 tuổi	83.00	-2%	-3%	-2%	4%	60.75
150k dwt	15 tuổi	26.25	-1%	-6%	-9%	5%	19.50	250k dwt	15 tuổi	53.00	-2%	-4%	-8%	-4%	43.50
<b>PANAMAX</b>								<b>SUEZMAX</b>							
82k dwt	Resale	38.00	-5%	-6%	-14%	-6%	36.75	160k dwt	Resale	94.00	-2%	-5%	-5%	-4%	77.50
82k dwt	5 tuổi	32.00	-6%	-9%	-18%	-9%	30.25	150k dwt	5 tuổi	74.00	-3%	-8%	-10%	-10%	59.75
76k dwt	10 tuổi	24.50	0%	-3%	-17%	-8%	21.00	150k dwt	10 tuổi	58.00	0%	-11%	-14%	-11%	44.25
74k dwt	15 tuổi	14.25	-7%	-12%	-25%	-14%	14.00	150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	-12%	-13%	-5%	28.75
<b>SUPRAMAX</b>								<b>AFRAMAX</b>							
62k dwt	Resale	37.00	-4%	-8%	-11%	-5%	34.50	110k dwt	Resale	75.00	-5%	-12%	-12%	-10%	64.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	-5%	-12%	-16%	-8%	25.75	110k dwt	5 tuổi	62.50	-2%	-11%	-13%	-13%	50.75
56k dwt	10 tuổi	22.00	-4%	-11%	-21%	-14%	18.75	105k dwt	10 tuổi	50.00	-3%	-13%	-16%	-13%	37.50
52k dwt	15 tuổi	14.25	-3%	-10%	-14%	-8%	12.75	105k dwt	15 tuổi	34.00	-3%	-15%	-17%	-13%	24.75
<b>HANDYSIZE</b>								<b>MR</b>							
37k dwt	Resale	33.00	-1%	-4%	-4%	-3%	28.75	52k dwt	Resale	51.00	0%	-11%	-6%	-5%	44.25
37k dwt	5 tuổi	25.50	0%	-6%	-9%	-7%	22.75	52k dwt	5 tuổi	41.00	0%	-13%	-13%	-10%	35.00
32k dwt	10 tuổi	17.00	-3%	-13%	-17%	-11%	15.00	45k dwt	10 tuổi	31.00	0%	-16%	-19%	-17%	25.25
28k dwt	15 tuổi	11.00	0%	-12%	-15%	-12%	9.50	45k dwt	15 tuổi	21.50	0%	-17%	-23%	-19%	17.00

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
VLEC	100,000 cbm	159.50	2	Hyundai H.I.	MISC Malaysia	Late 2028	Price per unit, long term employment with PTT Public Gas Company, Thailand
Tankers	-	-	2	Nantong Rainbow	John T. Essberger	SH 2027	Chemical tankers
Tankers	13,000 dwt	23.40	2	Taizhou Kouan	Xingtong Shipping	2026-2027	Price per unit, stainless steel
Bulker	33,000 dwt	-	2+2	DSIC	NYK Bulk	From 2027	Deck cargo carriers
Container	8,400 teu	121.00	2	GSI China	Peter Doehle	SH 2027-2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	02/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	74.0	-1.33%	-2.63%	2.07%	12.12%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	-9.76%	-11.90%	-12.94%	-9.76%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	-9.80%	-11.54%	-11.54%	-6.76%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	-9.63%	-11.59%	-11.59%	-7.58%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	02/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	126.5	-1.94%	-1.94%	-2.69%	-1.17%
Suezmax (170.000 dwt)	88.5	-1.67%	-1.67%	-1.67%	3.51%
A.max (115.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	0.00%	7.91%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	0.00%	1.96%	9.47%

## 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

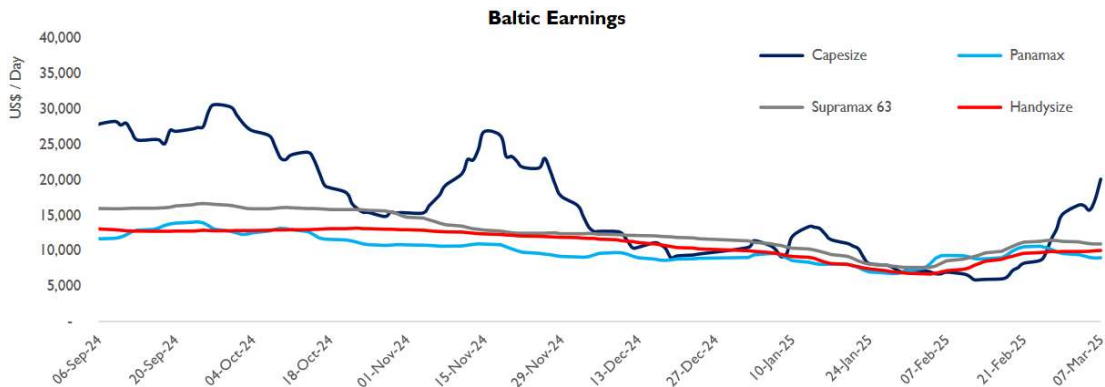
Thị trường **Supramax** tuần qua ổn định nhưng không mấy ấn tượng, cả Đại Tây Dương và Châu Á đều ít động lực, cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 10.293 đô la Mỹ, giảm 1.016 đô la Mỹ so với mức 11.309 đô la Mỹ của tuần trước. Vịnh Châu Mỹ và Nam Đại Tây Dương vẫn ảm đạm, trong khi khu vực Continent-Địa Trung Hải thiếu nhu cầu chở hàng mới, mặc dù có vẻ như số lượng này đã là nhiều hơn so với các nơi khác. Chính sách tiền tệ mới đây của chính phủ Indonesia đã khiến nhiều lô hàng bị tạm dừng, trong khi giá than đá ngoài khơi Indonesia đạt đến mức kém cạnh tranh hơn so với than đá nội địa Trung Quốc. Ấn Độ Dương có nhiều hoạt động hơn từ phía Nam, với cước phí cải thiện và nhiều hợp đồng thuê tàu được ký.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 10.003 đô la Mỹ, tăng 159 đô la Mỹ so với mức 9.844 đô la Mỹ của tuần trước. Trong tuần này, tâm lý thị trường nhìn chung vẫn yếu ở khu vực Continent-Địa Trung Hải, cước giảm nhẹ so với trước đó. Một tàu khoảng 33.000 dwt được chốt chuyến chở phế liệu đến Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 37.000 dwt được chốt đi từ Otranto đến Bờ biển Bắc Nam Mỹ với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ. Thị trường Vịnh Châu Mỹ vẫn trầm lắng, có dấu hiệu suy yếu. Một tàu khoảng 37.000 dwt neo ở Itaquai được chốt đi từ Recalada đến Nam Phi với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ. Thị trường Thái Bình Dương vẫn hoạt động tích cực. Số lượng tàu đi ngay giảm, nhu cầu giữa tàu và hàng hoá dần cân bằng hơn. Điều tích cực này giúp đẩy cước tăng, đặc biệt ở Đông Nam Á, được ghi nhận ở mức cao hơn trước đó. Thị trường Viễn Đông nhìn chung vẫn không biến động, cước vẫn giữ ổn định.

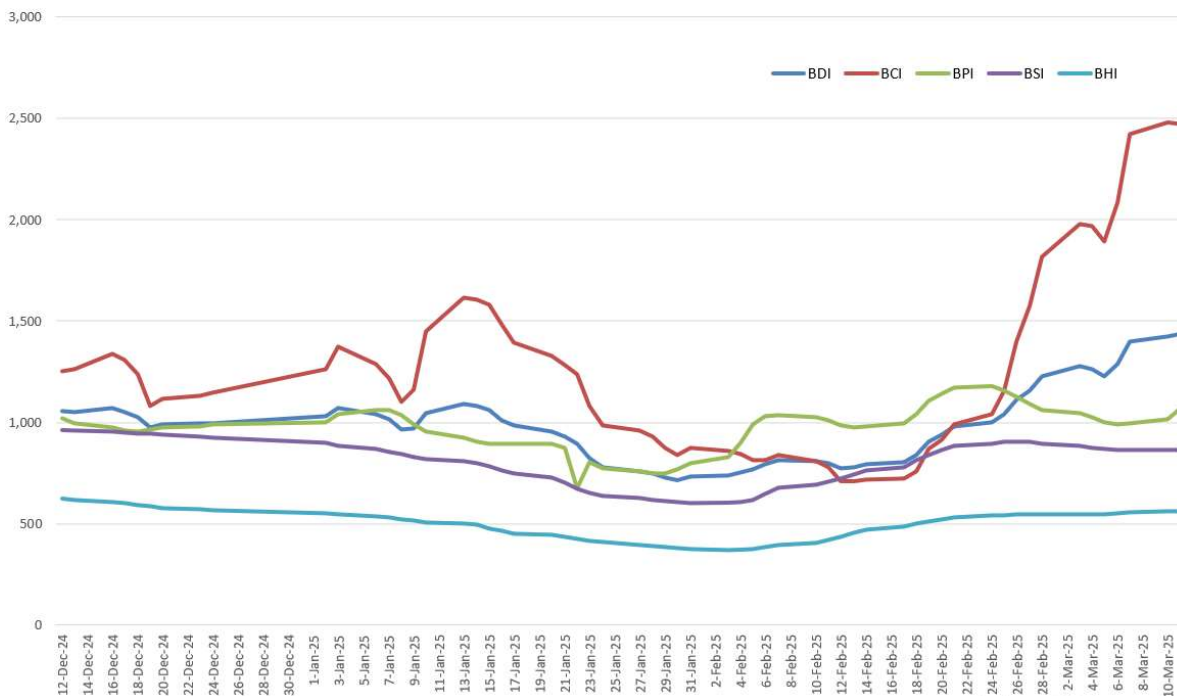
## GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 10/03/2025

	US\$/ngày	▲/▼
SUPRAMAX	8,889	▼ -386
HANDIES 38K	10,003	▲ 159

(so sánh với giá trị ngày 04/03/2025)



## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 65,47 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,85% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 68,80 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,69%. Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của tuần, giá dầu giảm hơn 1% do lo ngại rằng thuế quan của Mỹ đối với Canada, Mexico và Trung Quốc sẽ làm chậm nền kinh tế trên toàn thế giới và ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu năng lượng, trong khi OPEC+ chuẩn bị tăng nguồn cung. Bên cạnh đó, công ty dầu khí quốc gia ADNOC của Abu Dhabi lần đầu có động thái cân nhắc chào bán công khai công ty đầu tư năng lượng mới thành lập XRG, trên thị trường chứng khoán bên ngoài Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), trong đợt IPO lớn nhất thế giới từ trước đến nay. ADNOC đã công bố việc thành lập XRG vào cuối năm ngoái và công ty sẽ bắt đầu hoạt động trong quý này. Theo báo cáo, Shandong Yulong Petrochemical, nhà máy lọc dầu mới nhất tại Trung Quốc, sẽ bắt đầu chạy thử nghiệm tại một đơn vị chế biến dầu thô công suất 200.000 thùng/ngày vào cuối tháng này, động thái này có thể thúc đẩy nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc trong những tháng tới.

#### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<b>Phân khúc tàu VLCC</b>	Thị trường tàu VLCC đã trải qua một tuần với ít sự biến động khi cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc vẫn duy trì ở mức WS 57. Ghi nhận, các chuyến hàng vào đầu tháng 3 đã được hoàn tất trong bối cảnh nhu cầu chung vẫn rất ảm đạm. Theo đánh giá, khi lợi thế thị trường hiện tại đang thuộc về những người thuê tàu, áp lực lên cước sẽ ngày càng lớn, đặc biệt đối với phân khúc tàu già sẽ gặp khó khăn hơn trong việc đàm phán cước, khiến cho sự ảm đạm về cước ngày càng trở nên rõ rệt.										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	37.233	38.196	↑	USG/Trung Quốc	41.239	36.187
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Trung Đông/ Trung Quốc	37.233	38.196	↑								
USG/Trung Quốc	41.239	36.187	↓								
<b>Phân khúc tàu Suezmax</b>	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax chứng kiến các dấu hiệu tích cực trong tuần qua. Khi các hoạt động về hàng hóa đang dần được gia tăng, tạo nên hy vọng về sự phục hồi của thị trường. Đơn cử, cước cho tuyến Nigeria/UKC trong tuần này đã tăng lên 2 điểm – hiện ở mức WS 87. Theo báo cáo, tâm lý thị trường vẫn lạc quan khi cước tại khu vực Trung Đông cũng theo xu hướng phục hồi vào cuối tuần, nhờ vào số lượng tàu có phần giảm đi trong khu vực. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông/Med tăng lên mức WS 91.										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	33.827	36.921	↑	Guyana / UKC	33.333	35.228
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Tây Phi / Cont	33.827	36.921	↑								
Guyana / UKC	33.333	35.228	↑								



### Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc Aframax đang có xu hướng trầm lắng tại khu vực Trung Đông. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu trong khu vực vẫn rất ảm đạm, điều này dẫn đến sự điều chỉnh cước có phần không mấy tích cực. Bên cạnh đó, cước tại khu vực Địa Trung Hải cũng có cùng xu hướng giảm do sự dư thừa tàu trong khu vực. Đơn cử, cước cho tuyến Ceyhan/Lavera giảm xuống mức WS 121. Khu vực Biển Bắc tiếp tục tình trạng trì trệ khi các biên động tiêu cực về số lượng tàu dư thừa và thời tiết đã gây áp lực lớn lên mức cước.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	28.824	26.248	↓
Med / Med	30.729	29.298	↓
USG / Cont	38.568	33.327	↓
EC Mex / USG	28.819	23.052	↓

### 3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Đông Nam Á bắt đầu tuần mới với sự sôi động khi các nhu cầu cho các chuyến đi dài hạn ngày càng gia tăng, mặc dù nguồn cung tàu chất lượng cao có phần hạn chế khiến việc tìm tàu trở nên khó khăn nhưng điều này đã gây áp lực khiến cước có xu hướng tăng. Theo báo cáo, các chuyến đi ngắn hạn vẫn là ưu tiên của các chủ tàu, điều này khiến cho số lượng tàu có sẵn ngày càng eo hẹp. Vào cuối tuần, cước cho tuyến Sing/ECA đã được ký kết ở mức WS 205 nhưng các hoạt động về sau dần có dấu hiệu chậm lại. Theo báo cáo, tâm lý thị trường vẫn duy trì ổn định, đặc biệt là với các chuyến dài hạn. Dự đoán rằng thị trường vào tuần tiếp theo sẽ phụ thuộc vào số lượng hàng hóa, số lượng các chuyến dài hạn mới có thể tiếp tục tạo áp lực thúc đẩy mức cước tăng cao hơn. Thị trường tàu MR tại khu vực UKC vào đầu tuần hiện không mấy khả quan khi số lượng tàu có sẵn còn khá cao và nhu cầu hiện tại thấp đã dẫn đến áp lực giảm khi cước được chốt ở mức WS 150. Thị trường vẫn trầm lắng và cước hiện tiếp tục giảm xuống mức WS 135, lúc này bắt đầu xuất hiện những lô hàng trong khu vực và số lượng tàu có phần giảm bớt. Hiện tại, cước cho tuyến quanh khu vực Đại Tây Dương hiện đã được chốt ở mức WS 140 và dự kiến rằng thị trường sẽ duy trì tương đối ổn định trong tuần tới với số lượng tàu có phần cân bằng cho các lô hàng có nhu cầu tiếp theo.

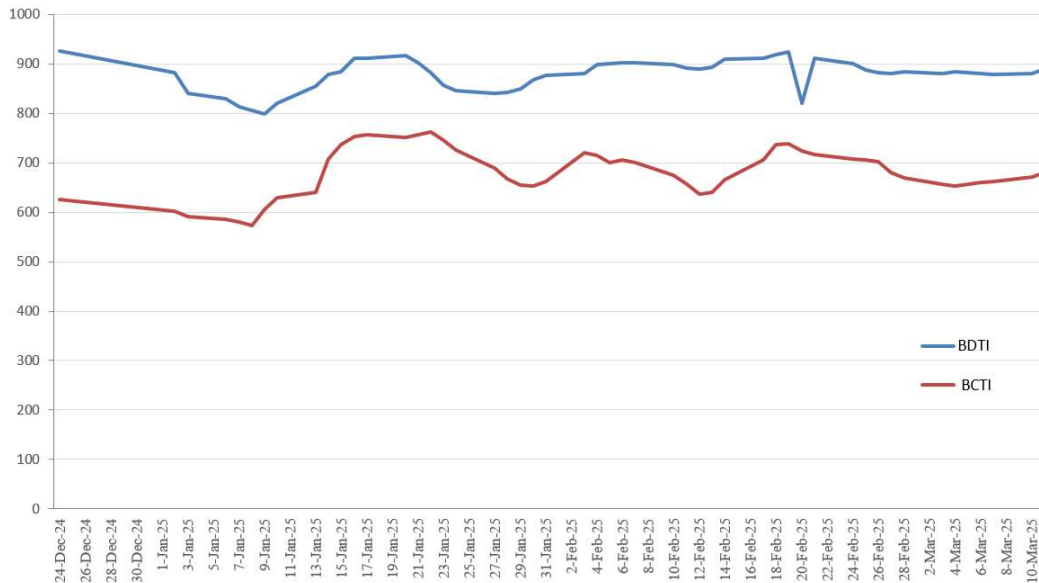
**Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Các giao dịch đi khu vực Bắc vẫn tiếp tục xu hướng trầm lắng với rất ít các hoạt động giao dịch được báo cáo, ngoài các chuyến hàng thường xuyên của Hengyi, Petronas và PTT. Ngoài ra, Shell cũng đưa ra lô hàng 8.000 – 10.000 tấn SM từ Singapore đến Trung Quốc vào giữa tháng 3 nhưng sau đó đã được thu hồi lại. Theo ghi nhận, số lượng tàu dư thừa vẫn ở Đông Nam Á và vẫn tiếp tục xu hướng gia tăng, hiện tại có khoảng 20 tàu sẵn sàng cho thuê và có thể lên đến 50 tàu khi đến nửa sau của tháng 3. Mức cước tại khu vực vẫn đang tiếp tục chịu áp lực giảm. Bên cạnh đó, hoạt động tại khu vực Viễn Đông đang có dấu hiệu chậm lại, khi một số tàu thông thường vận chuyển đến phía Bắc hiện đã chuyển hướng sang phía Nam. Mức cước cho các chuyến hàng 10.000 – 12.000 tấn BTX từ Hàn Quốc đi trung hoặc bắc Trung Quốc hiện đang ở mức 18 – 19 đô la Mỹ/tấn. Các giao dịch đi hướng phía Nam hiện cũng không mấy khả quan, khi chỉ có một vài lô hàng 10.000 – 12.000 tấn MTBE/MEAC từ bắc Trung Quốc đến Straits vào giữa và nửa sau của tháng 3. Bên cạnh đó, thị trường dầu cộ tại khu vực Châu Á vẫn tiếp tục xu hướng ảm đạm, nguyên nhân do sự cạnh tranh về giá và tình hình lũ lụt tại Malaysia ảnh hưởng đến nguồn cung dầu cộ. Theo ghi nhận, cước hiện đang ở mức thấp kỷ lục khi có báo cáo về lô hàng 10.000 – 12.000 tấn từ Straits đến ECI được ký kết ở mức 23 – 24 đô la Mỹ/tấn bởi Nova. Thị trường Sulphuric ghi nhận 2 lô hàng 19.000 tấn từ Nhật Bản và Trung Quốc đến ECI cho chuyến đi vào giữa và cuối tháng 4, cước dự kiến sẽ ở mức 43 – 45 đô

la Mỹ/tấn. Lượng hàng hóa nhập khẩu vào Indonesia hiện tại khá trầm lắng do các vấn đề về giấy phép giữa các cơ quan chức năng và người mua hàng.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 10/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 09/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,500	47,000	46,000	49,000	47,500	46,000
SUEZMAX	35,000	35,500	35,000	34,500	35,000	35,000
AFRAMAX	30,500	29,000	28,000	31,000	29,500	29,000
LR-2	28,500	30,000	29,500	29,000	30,000	29,500
LR-1	23,500	22,500	22,000	24,000	22,500	22,000
MR	21,000	20,500	20,000	21,500	21,000	20,000
HANDY	18,000	17,500	17,000	18,500	17,500	17,500

### CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



## 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	430		450		460	
2	Bangladesh	440		460		470	
3	India	435		455		465	
4	Turkey	280		290		300	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)



## MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 10/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Sea Wise	Bulker	1995	5,588	Bangladesh	420.00	24,842	
Kriti II	Passenger	1979	12,920	Turkey	279.00	5,339	

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG**  
**PIONEER SHIPBROKERS**  
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*